

Số: 209/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 25 tháng 01 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết mạng lưới bến bãi đỗ xe công cộng  
trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 03/2008/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 7 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội;

Căn cứ Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách;

Căn cứ Quyết định số 1533/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1515/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông báo số 71/TB-VPTU ngày 24 tháng 3 năm 2016 của Văn phòng Thành ủy về việc Kết luận của tập thể Ban Thường vụ Thành ủy tại cuộc họp ngày 24 tháng 3 năm 2016;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Công văn số 58/SGTVT-KHTC ngày 09 tháng 01 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch chi tiết mạng lưới bến bãi đỗ xe công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030 với những nội dung chủ yếu như sau:

## **I. Quan điểm quy hoạch**

1. Quy hoạch mạng lưới bến, bãi đỗ xe công cộng phải phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch chung xây dựng; quy hoạch phát triển giao thông vận tải; quy hoạch sử dụng đất và các quy hoạch có liên quan.

2. Đáp ứng tốt nhu cầu đi lại và nhu cầu đỗ xe ngày càng gia tăng của người dân cả về số lượng và chất lượng, tạo nên một môi trường giao thông văn minh, hiện đại và góp phần phát triển bền vững đô thị.

3. Bố trí bến, bãi đỗ xe công cộng đồng bộ với sự phát triển đô thị và hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông và phù hợp với nhu cầu của thành phố.

4. Bố trí đủ quỹ đất cho phát triển hệ thống giao thông công cộng trên địa bàn thành phố.

5. Ứng dụng công nghệ quản lý, khai thác hiện đại, tiên tiến nhằm giảm ùn tắc giao thông, nâng cao hiệu quả khai thác, bảo vệ môi trường.

## **II. Mục tiêu quy hoạch**

### **1. Mục tiêu chung**

a) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về hoạt động khai thác bến, bãi đỗ xe công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ và đáp ứng được nhu cầu đỗ xe của người dân;

b) Đề xuất cơ chế chính sách và giải pháp tăng cường huy động vốn theo hình thức xã hội hóa, đa dạng hóa hình thức đầu tư và bến, bãi đỗ xe;

c) Giảm ùn tắc giao thông, do phương tiện dừng đỗ sai quy định trên các tuyến phố.

### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Giai đoạn 2016 - 2020: Quỹ đất dành cho xây dựng bến, bãi đỗ xe công cộng là 77,1 ha, chiếm 3% đất giao thông đường bộ; chiếm 0,41% đất xây dựng đô thị;

b) Giai đoạn 2021 - 2030: Quỹ đất dành cho xây dựng bến, bãi đỗ xe công cộng là 123,5 chiếm 3,3% đất giao thông đường bộ; chiếm 0,45% đất xây dựng đô thị;

c) Ưu tiên bố trí xây dựng bãi đỗ xe ngầm và cao tầng tại khu vực các quận trung tâm thành phố (quận: Ninh Kiều, Bình Thủy).

## **III. Nội dung Quy hoạch chi tiết mạng lưới bến bãi đỗ xe công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030**

### **1. Quy hoạch bến, bãi đỗ xe công cộng trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030**

a) Quy hoạch giai đoạn 2016 – 2020

- **Bến xe khách:** Quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn thành phố có 04 bến xe khách với tổng diện tích 14,1 ha. Trong đó, xây dựng mới 03 bến xe

khách: Bến xe khách Ô Môn; bến xe khách Thốt Nốt; bến xe khách Cờ Đỏ; nâng cấp mở rộng 01 bến xe: Bến xe khách Nam Cần Thơ giai đoạn 2 và chuyển đổi công năng bến xe khách Cần Thơ – 91B thành bãi đỗ xe công cộng kết hợp điểm đầu – cuối xe buýt (*Chi tiết phụ lục 1*).

**- Bãi đỗ xe công cộng**

Quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn thành phố hình thành 165 bãi đỗ xe với tổng diện tích 28,9 ha. Trong đó:

- + Quận Ninh Kiều: 68 bãi đỗ xe, diện tích 12,98 ha;
- + Quận Bình Thủy: 22 bãi đỗ xe, diện tích 5,55 ha;
- + Quận Cái Răng: 21 bãi đỗ xe, diện tích 3,2 ha;
- + Quận Ô Môn: 21 bãi đỗ xe, diện tích 2,7 ha;
- + Quận Thốt Nốt: 14 bãi đỗ xe, diện tích 2,17 ha;
- + Huyện Cờ Đỏ: 4 bãi đỗ xe, diện tích 0,6ha;
- + Huyện Thới Lai: 5 bãi đỗ xe, diện tích 0,7ha;
- + Huyện Phong Điền: 4 bãi đỗ xe, diện tích 0,59 ha;
- + Huyện Vĩnh Thạnh: 6 bãi đỗ xe, diện tích 0,5ha.

(*Chi tiết trong báo cáo và bản đồ quy hoạch*)

**- Bãi đỗ xe (BDX) buýt kết hợp điểm đầu - cuối xe buýt**

Quy hoạch đến năm 2020 trên địa bàn thành phố hình thành 17 bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu - cuối xe buýt với tổng diện tích 25,9 ha (*Chi tiết phụ lục 2*). Trong đó:

+ Nâng cấp 03 bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu - cuối xe buýt gồm: Điểm đầu - cuối xe buýt 91B (chuyển đổi công năng từ bến xe khách); bãi đỗ xe buýt Kinh B - Thạnh An; bãi đỗ xe buýt Cầu Bắc;

+ Xây dựng mới 14 bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu – cuối xe buýt gồm: Bãi đỗ xe buýt trung tâm quận Ô Môn; bãi đỗ xe buýt đô thị mới Ô Môn; bãi đỗ xe buýt đường tỉnh (ĐT) 921 – Thốt Nốt; bãi đỗ xe buýt Bắc Cờ Đỏ; bãi đỗ xe buýt Nam Cờ Đỏ; bãi đỗ xe buýt trung tâm Vĩnh Thạnh; bãi đỗ xe buýt Tây Thới Lai; bãi đỗ xe buýt Đông Thới Lai; bãi đỗ xe buýt Kênh E – Thạnh An; bãi đỗ xe buýt Cái Cui – Cái Răng; bãi đỗ xe buýt Cảng Hàng không Quốc tế Cần Thơ; bãi đỗ xe buýt Mỹ Khánh – Phong Điền; bãi đỗ xe buýt Rạch Chuối – Phong Điền; bãi đỗ xe buýt Ba Láng.

**- Bãi đỗ xe hàng:** Quy hoạch đến năm 2020 hình thành 09 bãi đỗ xe hàng (xây dựng mới hoàn toàn) với tổng diện tích là 8,1 ha. Chi tiết như sau: bãi đỗ xe rạch Bùng Binh; bãi đỗ xe cầu Bến Bạ; BDX rạch Cái Cui số 1; bãi đỗ xe khu bến Cảng Hoàng Diệu; bãi đỗ xe khu công nghiệp Trà Nóc; bãi đỗ xe xi măng Hà Tiên 2; bãi đỗ xe rạch Bằng Lăng; bãi đỗ xe Quốc lộ 91 – Trại Mai – Thới Thuận; bãi đỗ xe Ba Láng. (*Chi tiết phụ lục 3*)

b) Quy hoạch giai đoạn 2021 - 2030

- **Bến xe khách:** Quy hoạch đến năm 2030 trên địa bàn thành phố hình thành 06 bến xe khách với tổng diện tích 32,8 ha. Trong đó, xây dựng mới 02 bến xe khách: Bến xe khách Ba Láng; bến xe khách Lộ Tẻ, đầu tư nâng cấp 04 bến xe khách: Bến xe khách trung tâm Nam Cần Thơ; bến xe khách Ô Môn, bến xe khách Cờ Đỏ (*Chi tiết phụ lục 1*).

- **Bãi đỗ xe công cộng**

Quy hoạch đến năm 2030 trên địa bàn thành phố có 280 bãi đỗ xe với tổng diện tích 50,7 ha, tổng diện tích tăng thêm so với năm 2020 là 21,8 ha. Trong đó: giữ nguyên 165 bãi đỗ xe đã hình thành trong giai đoạn 2016 – 2020 và xây dựng mới 115 bãi đỗ xe. Trong đó:

- + Quận Ninh Kiều: 87 bãi đỗ xe, diện tích 18,44 ha;
- + Quận Bình Thủy: 47 bãi đỗ xe, diện tích 11,8 ha;
- + Quận Cái Răng: 42 bãi đỗ xe, diện tích 6,65 ha;
- + Quận Ô Môn: 47 bãi đỗ xe, diện tích 5,6 ha;
- + Quận Thốt Nốt: 23 bãi đỗ xe, diện tích 3,75 ha;
- + Huyện Cờ Đỏ: 07 bãi đỗ xe, diện tích 1,05 ha;
- + Huyện Thới Lai: 07 bãi đỗ xe, diện tích 1,05 ha;
- + Huyện Phong Điền: 09 bãi đỗ xe, diện tích 1,39 ha;
- + Huyện Vĩnh Thạnh: 11 bãi đỗ xe, diện tích 1,1 ha.

(*Chi tiết trong báo cáo và bản đồ quy hoạch*)

- **Bãi đỗ xe buýt (BDX) kết hợp điểm đầu – cuối xe buýt**

Quy hoạch đến năm 2030 trên địa bàn thành phố có tổng 15 bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu – cuối xe buýt với tổng diện tích 24,3 ha (*Chi tiết phụ lục 2*). Trong đó:

+ Nâng cấp 15 bãi đỗ xe buýt hiện có: Bãi đỗ xe buýt 91; bãi đỗ xe buýt trung tâm quận Ô Môn; bãi đỗ xe buýt đô thị mới Ô Môn; bãi đỗ xe buýt DT.921 – Thốt Nốt; bãi đỗ xe buýt Mỹ Khánh – Phong Điền; bãi đỗ xe buýt Rạch Chuối – Phong Điền; bãi đỗ xe buýt Bắc Cờ Đỏ; bãi đỗ xe buýt Nam Cờ Đỏ; bãi đỗ xe buýt trung tâm Vĩnh Thạnh; bãi đỗ xe buýt Tây Thới Lai; bãi đỗ xe buýt Đông Thới Lai; bãi đỗ xe buýt Kênh E – Thạnh An; bãi đỗ xe buýt Kinh B – Thạnh An; bãi đỗ xe buýt Cái Cui – Cái Răng; bãi đỗ xe buýt Cảng Hàng không Quốc tế Cần Thơ;

+ Chuyển đổi công năng bãi đỗ xe Ba Láng thành bến xe khách Ba Láng và xóa bỏ điểm đầu cuối xe buýt Cầu Bắc.

- **Bãi đỗ xe hàng**

Quy hoạch đến năm 2030 trên địa bàn thành phố có tổng 18 bãi đỗ xe hàng với tổng diện tích là 15,7 ha, tổng diện tích tăng thêm so với năm 2020 là

7,6 ha (*Chi tiết phụ lục 3*). Trong đó:

+ Nâng cấp 09 bãi đỗ xe hàng hiện có: Bãi đỗ xe rạch Bùng Binh; bãi đỗ xe cầu Bến Bạ; bãi đỗ xe rạch Cái Cui số 1; bãi đỗ xe khu bến Cảng Hoàng Diệu; bãi đỗ xe khu công nghiệp Trà Nóc; bãi đỗ xe xi măng Hà Tiên 2; bãi đỗ xe rạch Bằng Lăng; bãi đỗ xe Quốc lộ 91 – Trại Mai – Thới Thuận; bãi đỗ xe Ba Láng.

+ Xây dựng mới 09 bãi đỗ xe hàng: Bãi đỗ xe rạch Cái Cui số 2; bãi đỗ xe khu công nghiệp Trà Nóc; bãi đỗ xe nhiệt điện Ô Môn; bãi đỗ xe Rạch Bò Ót - Thới Thuận, bãi đỗ xe kè tuyến tránh Long Xuyên – Vĩnh Trinh, bãi đỗ xe Phong Điền; bãi đỗ xe Cờ Đỏ; bãi đỗ xe Vĩnh Thạnh 1; bãi đỗ xe Vĩnh Thạnh 2.

## **2. Nhu cầu vốn đầu tư và nhu cầu quỹ đất dành cho bến, bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030**

a) Nhu cầu vốn đầu tư xây dựng bến, bãi đỗ xe (*Chi tiết phụ lục 5*). Trong đó:

- Giai đoạn 2016 – 2020: Tổng nhu cầu vốn đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố Cần Thơ là 531 tỷ đồng, trung bình mỗi năm 106,2 tỷ đồng/năm. Trong đó, ngân sách nhà nước 79,65 tỷ đồng, chiếm 15% (dùng để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư; phần còn lại dùng để hỗ trợ lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư đối với các dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư PPP); vốn xã hội hóa 451,35 tỷ đồng, chiếm 85%;

- Giai đoạn 2021 – 2030 : Tổng nhu cầu vốn đầu tư xây dựng bến xe, bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố Cần Thơ là 582 tỷ đồng, trung bình mỗi năm 58,2 tỷ đồng/năm. Trong đó, ngân sách nhà nước 87,30 tỷ đồng, chiếm 15% (dùng để phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư; phần còn lại dùng để hỗ trợ lập, thẩm định, phê duyệt đề xuất dự án, báo cáo nghiên cứu khả thi, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư, hỗ trợ xây dựng công trình phụ trợ, tổ chức bồi thường, giải phóng mặt bằng và tái định cư đối với các dự án thực hiện theo hình thức đối tác công tư PPP); vốn xã hội hóa 494,70 tỷ đồng, chiếm 85%.

b) Dự kiến nhu cầu quỹ đất dành cho phát triển bến xe, bãi đỗ xe

Tổng quỹ đất dành cho đầu tư nâng cấp và xây dựng mới bến, bãi đỗ xe quy hoạch đến năm 2020 là 77,1 ha chiếm 0,41% đất xây dựng đô thị; đến năm 2030 là 123,5 ha chiếm 0,45% đất xây dựng đô thị.

### **Tổng hợp quỹ đất quy hoạch bến, bãi đỗ xe toàn thành phố Cần Thơ**

TT	Toàn thành phố	Giai đoạn 2016 -2020		Giai đoạn 20121 -2030	
		Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)
1	Bến xe khách liên tỉnh	4	14,1	6	32,8

TT	Toàn thành phố	Giai đoạn 2016 -2020		Giai đoạn 20121 -2030	
		Số lượng	Diện tích (ha)	Số lượng	Diện tích (ha)
2	Bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu - cuối xe buýt	17	25,9	15	24,3
3	Bến, bãi đỗ xe hàng	9	8,1	18	15,7
4	Bãi đỗ xe	165	29,0	280	50,7
	<b>Tổng</b>		<b>77,1</b>		<b>123,5</b>

(Chi tiết nhu cầu quỹ đất từng quận, huyện trong phụ lục 4)

### 3. Danh mục dự án ưu tiên đầu tư

Các công trình ưu tiên đầu tư là các công trình nhằm sớm giải quyết nhu cầu đi lại và đỗ xe ngày càng tốt hơn của người dân, là động lực phát triển kinh tế - xã hội của thành phố và cần đầu tư xây dựng mới và nâng cấp cải tạo, cụ thể như sau:

a) Các bến xe khách: Bến xe Nam Cần Thơ; bến xe khách Thốt Nốt; bến xe khách Ô Môn; bến xe khách Cờ Đỏ;

b) Các bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu – cuối xe buýt ;

c) Các bãi đỗ xe hàng: Bãi đỗ xe hàng khu cảng Hoàng Diệu; bãi đỗ xe hàng khu công nghiệp Trà Nóc;

d) Các bãi đỗ xe công cộng: Các bãi đỗ xe công cộng tại quận Ninh Kiều, Bình Thủy.

#### Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư		Dự kiến vốn đầu tư		Ghi chú
		Loại	Diện tích (ha)	Tỷ đồng	Nguồn vốn	
1	Bến xe khách Nam Cần Thơ	Loại 1	7,5	80	XHH	Triển khai giai đoạn 2 phục vụ VTHK và VTHH
2	Bến xe khách Ô Môn	Loại 2	3,5	30	NSNN+XHH	Xây dựng mới
3	Bến xe khách Thốt Nốt	Loại 3	1,4	25	XHH	Đang giải phóng mặt bằng
4	Bến xe khách Cờ Đỏ	Loại 4	1,7	15	NSNN+XHH	Xây dựng mới
5	Bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu cuối xe buýt Ô Môn, Thốt Nốt, phong Điền, Kinh B.		5,1	25	NSNN+XHH	Xây dựng mới
6	68 vị trí đỗ xe công		12,98	58	NSNN+XHH	Xây dựng mới

TT	Tên dự án	Quy mô đầu tư		Dự kiến vốn đầu tư		Ghi chú
		Loại	Diện tích (ha)	Tỷ đồng	Nguồn vốn	
	cộng quận Ninh Kiều					
7	22 vị trí đỗ xe công cộng quân Bình Thủy		5,55	21	NSNN+XHH	Xây dựng mới
8	Bãi đỗ xe hàng khu cảng Hoàng Diệu		1,0	4	NSNN+XHH	Xây dựng mới
9	Bãi đỗ xe hàng khu công nghiệp Trà Nóc		0,8	3,5	NSNN+XHH	Xây dựng mới
	<b>Tổng cộng</b>			<b>261,5</b>		

(NSNN – XHH: Ngân sách nhà nước chiếm 15% phục vụ công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư; vốn xã hội hóa chiếm 85% phục vụ đầu tư công trình).

#### **IV. Giải pháp, chính sách thực hiện quy hoạch**

##### **1. Giải pháp, chính sách về quản lý nhà nước**

a) Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh, khai thác bến xe, bãi đỗ xe;

b) Công bố công khai quy hoạch bến xe, bãi đỗ xe nhằm thu hút các nguồn vốn đầu tư và đảm bảo tính minh bạch, tăng cường sự giám sát của xã hội với hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe;

c) Đảm bảo tiến độ triển khai quy hoạch nhằm tạo môi trường ổn định, hấp dẫn các thành phần kinh tế tham gia đầu tư, khai thác bến xe, bãi đỗ xe;

d) Tăng cường quản lý việc sử dụng tạm thời hè phố, lòng đường cho mục đích đỗ xe tại các khu vực trung tâm thông qua công tác cấp phép, giao quản lý khai thác và thu phí đỗ xe nhằm đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo trật tự an toàn giao thông;

đ) Nghiên cứu mô hình thành lập đơn vị chuyên ngành hoạt động trong lĩnh vực đầu tư, khai thác hệ thống bãi đỗ xe trên địa bàn thành phố trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

e) Nghiên cứu đề xuất các hướng dẫn cụ thể để thực hiện các ưu đãi đối với doanh nghiệp đầu tư, khai thác bến xe khách theo hình thức xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách trên địa bàn thành phố theo Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách;

g) Ban hành cụ thể trình tự thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng bãi đỗ xe; tạo mọi điều kiện và rút ngắn tối đa thời gian hoàn thiện dự án đầu tư của nhà đầu tư để tiến hành xây dựng;

h) Hỗ trợ công tác giải phóng mặt bằng và bàn giao cho nhà đầu tư dự án bến xe, bãi đỗ xe triển khai dự án theo đúng tiến độ được phê duyệt.

##### **2. Giải pháp, chính sách về thu hút vốn đầu tư**

a) Đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển bến, bãi đỗ xe công cộng theo hình thức xã hội hóa theo Quyết định số 12/2015/QĐ-TTg ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách thu hút xã hội hóa đầu tư và khai thác bến xe khách, nhằm giảm áp lực vốn đầu tư từ ngân sách Nhà nước và tăng tính cạnh tranh trong đầu tư khai thác bến, bãi đỗ xe công cộng;

b) Ưu tiên dành nguồn vốn ngân sách thành phố để đầu tư các công trình trọng điểm (đặc biệt là các bãi đỗ xe ngầm, cao tầng tại khu vực trung tâm thành phố);

c) Nghiên cứu các phương án đầu tư bãi đỗ xe, điểm đỗ xe theo hình thức đối tác công tư PPP hoặc kết hợp các dự án đầu tư bến xe, bãi đỗ xe và khai thác thương mại;

d) Xây dựng cơ chế tạo nguồn vốn đầu tư từ hoạt động khai thác bãi đỗ xe, điểm đỗ xe (đặc biệt là tại khu vực đô thị trung tâm);

đ) Hỗ trợ một phần lãi suất vay các tổ chức tín dụng hoặc bố trí nguồn vốn từ Quỹ đầu tư phát triển thành phố với lãi suất ưu đãi đối với dự án đầu tư bãi đỗ xe ngầm, cao tầng.

### **3. Các giải pháp, chính sách phí và lệ phí**

a) Có chính sách về mức phí linh hoạt (theo khu vực, theo thời điểm, theo loại phương tiện) trên cơ sở công bố công khai, đảm bảo đúng giá quy định và tạo động lực đầu tư hoàn vốn;

b) Nghiên cứu, thí điểm dự án chuyển đổi phí trông giữ xe thành giá dịch vụ trông giữ phương tiện trong khu vực trung tâm quận Ninh Kiều, Bình Thủy;

c) Miễn tiền sử dụng đất khi chuyển đổi mục đích sử dụng sang đầu tư xây dựng bãi đỗ xe ngầm, cao tầng theo dự án được phê duyệt;

d) Cho phép các dự án đầu tư xây dựng bãi đỗ xe ngầm, cao tầng được phép sử dụng một phần diện tích để khai thác dịch vụ thương mại theo dự án được duyệt, đồng thời đảm bảo quy mô theo quy hoạch được duyệt.

### **4. Các giải pháp, chính sách khác**

a) Tăng cường áp dụng khoa học công nghệ hiện đại vào quản lý, khai thác bến, bãi đỗ xe công cộng như lắp đặt camera giám sát xe ra vào bến, bố trí thu phí tự động hoặc bán tự động tại các bãi đỗ xe công cộng,...;

b) Định hướng công nghệ áp dụng đối với các bãi đỗ xe có quy mô lớn trong khu vực trung tâm đô thị. Ưu tiên các dự án đầu tư xây dựng bãi đỗ xe có phương án khai thác sử dụng thiết bị và công nghệ hiện đại;

c) Tổ chức các khóa đào tạo, các lớp tập huấn nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành, khai thác hệ thống bến xe, bãi đỗ xe. Khuyến khích doanh nghiệp xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên môn.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Giao Sở Giao thông vận tải**



a) Tổ chức công bố Quy hoạch theo quy định; xây dựng chương trình, kế hoạch triển khai thực hiện Quy hoạch;

b) Hàng năm có báo cáo đánh giá việc triển khai thực hiện quy hoạch; trường hợp cần bổ sung, điều chỉnh quy hoạch, Sở Giao thông vận tải tổng hợp ý kiến của các sở, ngành và địa phương có liên quan trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

## **2. Các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện**

Theo chức năng nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Giao thông vận tải triển khai thực hiện quy hoạch một cách hiệu quả. Trong quá trình triển khai thực hiện có khó khăn vướng mắc phối hợp với Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan, ban ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện và các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT.TU, TT.HĐND thành phố;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- VP. UBND thành phố (3B);
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- Cổng thông tin thành phố;
- Lưu: VT.QT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Đào Anh Dũng**